

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN (Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 225 /2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính)
TÊN CHỦ DỰ ÁN

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM ...
(Kế hoạch giải ngân vốn viện trợ và vốn đối ứng)

Dự án:.....

Nhà tài trợ:.....

Đơn vị tính: USD

Số TT	Tên thành phần/ hạng mục dự án	Tổng vốn chương trình, dự án			Lũy kế thực hiện từ đầu đến thời điểm báo cáo						Kế hoạch năm ...							
		Tổng số	Vốn viện trợ ¹	Vốn đối ứng ²	Vốn viện trợ ³					Vốn đối ứng ⁴		Vốn viện trợ ⁵					Vốn đối ứng ⁶	
					Tổng số	XDCB	HCSN	HTNS	CVL	XDCB	HCSN	Tổng số	XDCB	HCSN	HTNS	CVL	XDCB	HCSN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)

..., ngày thángnăm

Chú thích: (1): Vốn viện trợ ghi chi tiết theo nhà tài trợ (nếu dự án được tài trợ từ nhiều nguồn khác nhau)

(2): Vốn đối ứng: ghi theo văn kiện dự án được phê duyệt

(3) và (5): bổ sung thêm cột nếu có từ hai nhà tài trợ hoặc 2 nguồn vốn khác nhau trở lên

(4) và (6): bổ sung thêm cột theo NSTW, NSDP (nếu có)

Các chữ viết tắt: XDCB: xây dựng cơ bản; HCSN: hành chính sự nghiệp; HTNS: hỗ trợ ngân sách; CVL: cho vay lại

(Ký tên và đóng dấu)

TỜ KHAI XÁC NHẬN VIỆN TRỢ HÀNG HÓA NHẬP KHẨU

NƠI ĐĂNG KÝ TỜ KHAI Bộ Tài chính..... ☐ Sở Tài chính..... ☐	Tờ khai số/XNVT Ngày đăng ký..... Số đăng ký XNVT.....	Cán bộ tiếp nhận
--	--	------------------

I. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI

A. DỮ LIỆU CƠ BẢN

1. Tên tổ chức viện trợ: thuộc: - Chính phủ ☐ - TC quốc tế ☐ - Phi chính phủ..... ☐ 2. Tên chương trình, dự án viện trợ: Thời gian thực hiện: Từ: Đến: 3. Tổng giá trị viện trợ, chương trình, dự án: - Nguyên tệ: - Quy ra USD: 4. Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền: Số:ngày của:	5. Chủ dự án: Tên: Địa chỉ: Tel/Fax: QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... Số: Ngày Do Mã đơn vị có quan hệ với NS: 6. Cơ quan chủ quản dự án: Tên: Địa chỉ: Tel/Fax: Mã đơn vị có quan hệ với NS: 7. Đơn vị được ủy nhiệm tiếp nhận hàng viện trợ: Tên: Địa chỉ: Tel/Fax:	8. Các đơn vị sử dụng viện trợ: 1. Tên đơn vị: Địa chỉ: Tel/Fax: QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... Số: Ngày Do Mã đơn vị có quan hệ với NS: Mã số thuế: 2. Tên đơn vị: Địa chỉ: Tel/Fax: QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... Số: Ngày Do Mã đơn vị có quan hệ với NS: Mã số thuế:
--	--	--

B. HÀNG HÓA VIỆN TRỢ NHẬP KHẨU

Chi tiết hàng hoá nhập khẩu kê khai đề nghị xác nhận viện trợ						
Số TT	9. Chứng từ nhận hàng	10. Tên hàng hóa	11. Số lượng	Trị giá		
				12. Nguyên tệ	13. Quy USD	14. Quy VND
15. Tỷ giá quy đổi:						

C. PHẦN KÊ KHAI BỔ SUNG

16. Hàng hóa viện trợ phân bổ theo đơn vị sử dụng

(khai bỏ sung khi hàng hóa viện trợ nhập khẩu tại mục B được phân bổ cho nhiều đơn vị sử dụng viện trợ)

Số TT	Tên đơn vị sử dụng viện trợ	Trị giá được phân bổ		
		Nguyên tệ	Quy ra USD	Quy ra VND
	Tổng cộng			

17. Chi tiết “Viện trợ xây dựng công trình”

(Khai bổ sung khi hàng hóa viện trợ nhập khẩu để xây dựng công trình chìa khóa trao tay)

Tên công trình, hạng mục công trình:

Tên Chủ đầu tư:.....: Điện thoại.....; Fax.....

Cơ quan chủ quản đầu tư..... Điện thoại.....; Fax.....

Địa điểm xây dựng công trình.....

Quyết định đầu tư số: ngày của

Tổng mức đầu tư được duyệt..... (trong đó Vốn viện trợ..... ; Vốn đối ứng)

Thời gian khởi công: Thời gian dự kiến hoàn thành:

18. Đề nghị cơ quan Tài chính không hạch toán NSNN đối với Tờ khai XNVT này, lý do:

- Thuộc đối tượng tiếp nhận viện trợ của TT 109 ☐ theo quy định tại Điều 1 Thông tư này
- Chưa được nhà tài trợ chuyển giao sở hữu ☐ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này
- Đã được XNVT bằng tiền ☐ tại Tờ khai XNVT bằng tiền số ngày

19. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đây

....., ngày.....thángnăm

II. PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN TÀI CHÍNH

20. Sau khi thẩm tra tài liệu, cơ quan Tài chính xác nhận số hàng hóa nhập khẩu tại tờ khai xác nhận viên trợ này được mua sắm bằng nguồn viện trợ không hoàn lại nước ngoài

Hạch toán ngân sách nhà nước

....., ngày.....thángnăm

Chương:

Mã Ngành kinh tế:.....

Mã Nội dung kinh tế:

I. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI

A. DỮ LIỆU CƠ BẢN		
1. Tên tổ chức viện trợ: thuộc: - Chính phủ..... ☐ - TC quốc tế..... ☐ - Phi chính phủ..... ☐	5. Chủ dự án: Tên:..... QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... số:.....ngàycủa..... Địa chỉ:..... Tel/Fax:..... Mã đ/v có quan hệ với NS:.....	8. Các đơn vị sử dụng viện trợ 1. Tên đơn vị: QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... số:.....ngàycủa..... Địa chỉ:..... Tel/Fax:..... Do Mã đ/v có quan hệ với NS:..... Mã số thuế:.....
2. Tên chương trình, dự án viện trợ: Thời gian thực hiện: Từ: Đến:	6. Cơ quan chủ quản dự án: Tên:..... Địa chỉ:..... Tel/Fax:..... Mã đơn vị có quan hệ với NS:.....	2. Tên đơn vị: QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... số:.....ngàycủa..... Địa chỉ:..... Tel/Fax:..... Do Mã đ/v có quan hệ với NS:..... Mã số thuế:.....
3. Tổng giá trị viện trợ, chương trình, dự án: - Nguyên tệ:..... - Quy ra USD:.....	7. Đơn vị bán hàng, cung cấp dịch vụ: Tên:..... Địa chỉ:..... Tel/Fax:.....	
4. Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền: Số: ngày..... của:.....		

Chi tiết hàng hoá, dịch vụ mua trong nước kê khai đề nghị xác nhận viên trợ:

Chi tiết hàng hoá, dịch vụ mua trong nước kê khai đề nghị xác nhận viện trợ:						
Số TT	9. Chứng từ nhận hàng	10. Tên hàng hóa, dịch vụ	11. Số lượng	Trị giá		
				12. Đơn giá (không thuế)	13. Trị giá (không thuế)	14. Trị giá (có thuế)

✓

C. PHẦN KÊ KHAI BỔ SUNG

15. Hàng hóa, dịch vụ mua trong nước phân bổ theo đơn vị sử dụng

(khai bỏ sung khi hàng hóa, dịch vụ mua trong nước tại mục B được phân bổ cho nhiều đơn vị sử dụng viện trợ)

Số TT	Tên đơn vị sử dụng viện trợ	Trị giá được phân bổ		
		Tên hàng hoá, dịch vụ	Số lượng	Trị giá
	Tổng cộng			

16. Chi tiết “Viện trợ xây dựng công trình”

(Khai bổ sung khi hàng hóa viện trợ nhập khẩu để xây dựng công trình chìa khóa trao tay)

Tên công trình, hạng mục công trình:

Tên Chủ đầu tư:.....: Điện thoại.....; Fax.....

Cơ quan chủ quản đầu tư..... Điện thoại.....; Fax.....

Địa điểm xây dựng công trình

Quyết định đầu tư: Số: ngày:.....của:

Tổng mức đầu tư được duyệt (trong đó Vốn viện trợ.....; Vốn đối ứng.....)

Thời gian khởi công: Thời gian dự kiến hoàn thành:

17. Đề nghị cơ quan Tài chính không hạch toán NSNN đối với Tờ khai XNVT này, lý do:

- Thuộc đối tượng tiếp nhận viện trợ của TT 109 ☐ theo quy định tại Điều 1 Thông tư này
- Chưa được nhà tài trợ chuyển giao sở hữu ☐ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này
- Đã được XNVT bằng tiền ☐ tại Tờ khai XNVT bằng tiền số ngày.....

18. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đây.

....., ngày.....thángnăm

II. PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN TÀI CHÍNH

19. Sau khi thẩm tra tài liệu, cơ quan tài chính xác nhận số hàng hóa, dịch vụ mua trong nước tại Tờ khai xác nhận viện trợ này được mua sắm bằng nguồn viện trợ không hoàn lại nước ngoài.

....., ngày.....thángnăm

Hạch toán ngân sách nhà nước:

Chương:

Mã Ngành KT:

Mã Nội dung KT:

TỜ KHAI XÁC NHẬN VIỆN TRỢ BẰNG TIỀN

NƠI ĐĂNG KÝ TỜ KHAI	Tờ khai số/XNVT	Cán bộ tiếp nhận
Bộ Tài chính..... ☐	Ngày đăng ký.....	
Sở Tài chính..... ☐	Số đăng ký XNVT	

I. PHẦN DÀNH CHO NGƯỜI KHAI**A. DỮ LIỆU CƠ BẢN**

1. Tên tổ chức viện trợ: thuộc: - Chính phủ..... ☐ - TC quốc tế..... ☐ - Phi chính phủ..... ☐ 2. Tên chương trình, dự án viện trợ: Thời gian thực hiện: Từ: Đến: 3. Tổng giá trị viện trợ, chương trình, dự án: - Nguyên tệ: - Quy ra USD: 4. Văn bản phê duyệt của cấp có thẩm quyền: Số:ngày của:	5. Chủ dự án: Tên: QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... Số:ngàycủa Địa chỉ: Tel/Fax: Mã đ/v có quan hệ với NS: 6. Cơ quan chủ quản dự án: Tên: Địa chỉ: Tel/Fax: Mã đơn vị có quan hệ với NS: 7. Đơn vị được ủy nhiệm nhận tiền viện trợ (nếu có): Tên: Địa chỉ: Tel/Fax:	8. Các đơn vị sử dụng viện trợ: 1. Tên đơn vị:..... QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... Số:ngàycủa Địa chỉ: Tel/Fax: Mã đ/v có quan hệ với NS: Mã số thuế: 2. Tên đơn vị:..... QĐ thành lập/ĐK hoạt động ... Số:ngàycủa Địa chỉ: Tel/Fax: Mã đ/v có quan hệ với NS: Mã số thuế:
---	---	--

B. CHI TIẾT TIỀN VIỆN TRỢ**Chi tiết tiền viện trợ kê khai đề nghị xác nhận viện trợ**

9. Chứng từ nhận tiền	10. Đơn vị chuyển tiền	11. TK nhận tiền		
		Tên TK:..... Số TK:..... Tại NH:		
		12. Nguyên tệ	13. Quy USD	14. Nguyên tệ
Tổng số tiền viện trợ được nhận				
15. Tỷ giá quy đổi:				

✓

C. PHẦN KÊ KHAI BỔ SUNG

16. Tiền viện trợ phân bổ theo đơn vị sử dụng

(khai bổ sung khi số tiền viện trợ tại mục B được phân bổ cho nhiều đơn vị sử dụng viện trợ)

Số TT	Tên đơn vị sử dụng viện trợ	Trị giá được phân bổ		
		Nguyên tệ	Quy ra USD	Quy ra VND
	Tổng cộng			

17. Chi tiết “Viện trợ xây dựng công trình”

(Khai bỏ sung khi tiền viện trợ để xây dựng công trình chùa khoá trao tay

Tên công trình, hạng mục công trình:

Tên Chủ đầu tư.....: **Điện thoại**.....; Fax.....

Cơ quan chủ quản đầu tư..... Điện thoại.....; Fax.....

Địa điểm xây dựng công trình.....

Quyết định đầu tư: Số: ngày: của:

Tổng mức đầu tư được duyệt (trong đó Vốn đối ứng; Vốn viện trợ

Thời gian khởi công: Thời gian dự kiến hoàn thành:

18. Đề nghị cơ quan Tài chính không hạch toán NSNN đối với Tờ khai XNVT này, lý do:

- Thuộc đối tượng tiếp nhận viện trợ của TT 109 ☐

19. Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đây.

....., ngày.....thángnăm

II. PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN TÀI CHÍNH

20. Sau khi thẩm tra tài liệu, cơ quan tài chính xác nhận số tiền viện trợ tại Tờ khai xác nhận viện trợ này là viện trợ không hoàn lại nước ngoài.

....., ngày.....thángnăm

Hạch toán ngân sách nhà nước

Chương:

Mã Ngành KT:

Mã Nội dung KT:

TÊN CHỦ DỰ ÁN.....

(Mẫu số 1, Phụ lục 3, Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

Kỳ báo cáo (6 tháng, cả năm)

Tên chương trình/dự án viện trợ.....

Tên tổ chức viện trợ:

Tổng trị giá viện trợ:

Phần I: Số liệu

Số TT	Chi tiết viện trợ	Viện trợ giải ngân trong kỳ báo cáo			Tổng cộng đối với cả chương trình/dự án			Chú thích
		Nguyên tệ	Quy ra USD	VNĐ	Nguyên tệ	Quy ra USD	VNĐ	
1	Viện trợ bằng hàng hoá nhập khẩu							
2	Viện trợ bằng hàng hoá, dịch vụ trong nước							
3	Viện trợ bằng tiền							
	Tổng số							

Phần II: Tình hình

....., ngày..... tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Chú thích: - Nơi nhận: Các cơ quan chủ quản dự án

- Số liệu trong kỳ báo cáo là số liệu viện trợ thực tiếp nhận. Nếu trong trị giá viện trợ thực tiếp nhận đó có phần chưa làm thủ tục kê khai XNVN thì thể hiện trị giá viện trợ chưa kê khai XNVN trong cột chú thích.
- Tỷ giá quy đổi: lấy theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính công bố hàng tháng trên Webside Bộ Tài chính vào thời điểm báo cáo.

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN

(Mẫu số 2, Phụ lục 3, Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ

(Kỳ báo cáo: 6 tháng, cả năm)

Phần I: Số liệu

Số TT	Tên dự án/ Tên tổ chức viện trợ	Tên chủ dự án	Viện trợ giải ngân trong kỳ báo cáo			Tổng cộng đối với cả chương trình/dự án			Chú thích
			Nguyên tệ	Quy ra USD	VNĐ	Nguyên tệ	Quy ra USD	VNĐ	
1									
2									
3									
		Tổng số							

Phần II. Tình hình

....., ngày..... tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Chú thích:

- Nơi nhận: Bộ Tài chính/Sở Tài chính
- Báo cáo này được tổng hợp từ báo cáo của các Chủ dự án trực thuộc
theo mẫu số 01-Phụ lục 3 Thông tư số ...2010/TT-BTC ngày... của BTC

✓